

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH

**Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là rà soát văn bản) kịp thời, hiệu quả và đúng quy định; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật.

b) Xây dựng Báo cáo về rà soát văn bản lĩnh vực tài nguyên và môi trường của Bộ gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

a) Việc tổ chức, thực hiện Kế hoạch bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP); bám sát yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các Nghị quyết của Chính phủ¹, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công; xác định cụ thể thời gian, tiến độ hoàn thành công việc; bảo đảm tiến độ, chất lượng, tính toàn diện và hệ thống của Báo cáo kết quả rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công; chỉ rõ các vướng mắc, chồng chéo của hệ thống pháp luật và kiến nghị cụ thể phương án sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật; chủ động phối hợp chặt chẽ với Vụ Pháp chế, các đơn vị có liên quan trong quá trình rà soát văn bản.

¹Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/12/2019 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2019; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

c) Kế thừa, sử dụng hiệu quả kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 để cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, *hoàn thiện hệ thống pháp luật thể chế hóa các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, tạo thuận lợi, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

d) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 432/BTP-KTrVB của Bộ Tư pháp để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT VĂN BẢN

1. Đối tượng, phạm vi rà soát văn bản là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 còn hiệu lực (*bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp; các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực (ngày 01/7/2016) và còn hiệu lực cũng thuộc đối tượng rà soát*) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định tại Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Trong quá trình rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 còn hiệu lực, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ cần quan tâm rà soát kỹ các văn bản để phát hiện các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc **không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển**, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật, như:

- Các văn bản có nội dung chồng chéo thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, môi trường,...theo phản ánh của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (*kèm theo Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng Thư ký Quốc hội*);

- Các văn bản quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh (như điều kiện đầu tư kinh doanh; thủ tục hành chính; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh...);

- Các vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật để tận dụng cơ hội, ứng phó với các thách thức, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Rà soát, đối chiếu các quy định của văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ với các quy định của văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội,...

4. Rà soát, đối chiếu các quy định của văn bản thuộc trách nhiệm rà soát của Bộ với các văn bản điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến văn bản được rà soát thuộc trách nhiệm rà soát của các bộ, cơ quan ngang bộ khác để phát hiện các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, ví dụ: rà soát, đối chiếu các quy định của Luật Bảo vệ môi trường với Luật Đầu tư.

III. NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ CÔNG VIỆC

1. Tổ chức rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 còn hiệu lực nêu tại Mục II Kế hoạch này:

a) Đơn vị thực hiện: Các Vụ, Thanh tra Bộ; các Tổng cục, Cục thuộc Bộ.

b) Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế.

c) Thời gian hoàn thành: trước ngày 20 tháng 4 năm 2020.

Kết quả rà soát thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục của Kế hoạch này.

2. Dự thảo Báo cáo kết quả rà soát văn bản:

a) Trước 30 tháng 4 năm 2020, các Vụ, Thanh tra Bộ; các Tổng cục, Cục thuộc Bộ xây dựng báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách gửi về Bộ (qua Vụ Pháp chế) để tổng hợp.

Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục của Kế hoạch này.

b) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, dự thảo Báo cáo của Bộ về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo:

a) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học... đối với dự thảo Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

b) Thời gian hoàn thành: Tháng 5 năm 2020.

4. Hoàn thiện Báo cáo:

a) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thiện dự thảo Báo cáo, trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

b) Thời gian hoàn thành: Tháng 6 năm 2020.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch, trình Bộ trưởng Báo cáo kết quả rà soát văn bản; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ giải quyết các vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC
Mẫu số 01

Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kim hãm sự phát triển ²	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Ghi chú ³
I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI							
1.							
2.							
II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI							
1.							
2.							
III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ							
1.							
2.							
IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ							
1.							
2.							
V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH							
1.							
2.							
VI. THÔNG TƯ							
1.							
2.							
VII. CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC							
1.							
2.							

² Nêu rõ điều, khoản, điểm mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp (có căn cứ đối chiếu).

³ Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh, thì tại cột “Ghi chú” ghi: “Đầu tư, kinh doanh”

PHỤ LỤC

Mẫu số 02

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực (ghi tên lĩnh vực được phân công phụ trách)

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN

1. Tổng số văn bản thuộc đối tượng, phạm vi rà soát của đơn vị:..... văn bản

2. Tổng số văn bản đã được rà soát:..... văn bản

Gồm: + Luật, Bộ luật;

+ Nghị quyết của Quốc hội;

+ Pháp lệnh;

+ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư liên tịch;

+ Thông tư;

+ văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3. Tổng số văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp: văn bản (*chi tiết các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp thể hiện tại Phụ lục*), trong đó:

3.1. văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với luật, bộ luật, nghị quyết của Quốc hội:

Gồm: + Luật, Bộ luật, Nghị quyết;

+ Pháp lệnh;

- + Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- + Nghị định của Chính phủ;
- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;
- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.2. văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Gồm: + Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- + Nghị định của Chính phủ;
- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;
- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.3. văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với nghị định của Chính phủ:

Gồm: + Nghị định của Chính phủ;

- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;
- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.4. văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

Gồm: + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;
- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.5.văn bản do Bộ trưởng ban hành có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau (phân loại cụ thể).

3.6. Về các phản ánh về sự chồng chéo trong các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai, môi trường,... của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (*Theo Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật*)

Trình bày ý kiến cụ thể đối với phản ánh nêu trên của VCCI sau khi rà soát các văn bản thuộc trách nhiệm của đơn vị.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Nhận xét, đánh giá

1.1. Về quá trình tổ chức thực hiện rà soát văn bản

1.2. Về chất lượng rà soát văn bản

1.3. Về hệ thống văn bản đã được rà soát

Đánh giá cụ thể (*ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế*) đối với các nhóm văn bản sau:

- Về toàn bộ hệ thống văn bản đã được rà soát;
- Về nhóm các văn bản quy định về đầu tư, kinh doanh (bao gồm cả các văn bản theo phản ánh của VCCI) (Nêu tại Mục B.I.2.2 Tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 432/BTRP-KTrVB của Bộ Tư pháp).

1.4. Khó khăn, vướng mắc

1.5. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc

2. Kiến nghị, đề xuất, giải pháp

2.1. Về việc xử lý văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp⁴ (chi tiết tại Mẫu số 01 Phụ lục)

- văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành

Gồm: + Luật, Bộ luật;

+ Nghị quyết của Quốc hội;

+ Pháp lệnh;

+ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Nghị định của Chính phủ;

⁴ Thực hiện theo quy định tại Điều 143 (Các hình thức xử lý văn bản được rà soát) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;
- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

- văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung

Gồm: + Luật, Bộ luật;

- + Nghị quyết của Quốc hội;
- + Pháp lệnh;
- + Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- + Nghị định của Chính phủ;
- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;

- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

- văn bản có nội dung cần thay thế

Gồm: + Luật, Bộ luật;

- + Nghị quyết của Quốc hội;
- + Pháp lệnh;
- + Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- + Nghị định của Chính phủ;
- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- + Thông tư liên tịch;
- + Thông tư;

- + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

- văn bản có nội dung cần bãi bỏ

Gồm: + Luật, Bộ luật;

- + Nghị quyết của Quốc hội;
- + Pháp lệnh;

- + Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
 - + Nghị định của Chính phủ;
 - + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - + Thông tư liên tịch;
 - + Thông tư;
 - + văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).
- văn bản có nội dung cần ban hành mới (nếu có).

2.2. Giải pháp

Nêu một số giải pháp khắc phục các hạn chế trong việc xây dựng pháp luật, hạn chế tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật.

2.3. Các vấn đề khác (nếu có)